

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án Cứng hóa kênh Nam đoạn từ K5+700 ÷ K8+700,  
K11+750,3 ÷ K13+000 và hoàn thiện mặt đường bờ kênh  
(gồm cả đoạn từ K8+700 ÷ K11+750,3)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ các Luật: Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: Số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 về Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; số 08/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 05 năm 2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BNNMT ngày 02/6/2025 của Bộ trưởng*

*Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Ban hành định mức dự toán chuyên ngành xây dựng công trình thủy lợi và đê điều;*

*Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;*

*Căn cứ Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 19/7/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cứng hóa kênh Nam đoạn từ K5+700 ÷ K8+700, K11+750,3 ÷ K13+000 và hoàn thiện mặt đường bờ kênh (gồm cả đoạn từ K8+700 ÷ K11+750,3);*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại báo cáo thẩm định số 320/BC-SNNMT ngày 14/5/2026.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án: Cứng hóa kênh Nam đoạn từ K5+700÷ K8+700, K11+750,3÷K13+000 và hoàn thiện mặt đường bờ kênh (gồm cả đoạn từ K8+700÷K11+750,3), với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cứng hóa kênh Nam đoạn từ K5+700÷K8+700, K11+750,3÷K13+000 và hoàn thiện mặt đường bờ kênh (gồm cả đoạn từ K8+700÷K11+750,3).

2. Địa điểm xây dựng: Xã Liên Bảo, xã Đại Đồng và phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 2.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ.

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty Cổ phần Long Mã.

7. Nhóm dự án, phân loại và phân cấp công trình:

- Nhóm dự án: Nhóm B.

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT, công trình thủy lợi.

- Cấp công trình: Cấp III.

8. Mục tiêu dự án:

- Cứng hóa đoạn kênh Nam từ K5+700 ÷ K8+700, K11+750,3 ÷ K13+000: Đảm bảo khả năng chuyển tải nước tưới chủ động tưới cho khoảng 4.834ha diện tích đất canh tác, khắc phục tình trạng thiếu nước, thất thoát nước của huyện Tiên Du, thị xã Quế Võ, thành phố Từ Sơn và thành phố Bắc Ninh (cũ).

- Tạo đường quản lý vận hành kết hợp giao thông khu vực, kết nối giữa

khu công nghiệp với khu dân cư; chống lún chiếm lòng kênh.

- Đảm bảo mỹ quan khu vực, cải thiện môi trường nông thôn nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

9. Quy mô đầu tư xây dựng, thông số kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

9.1. Quy mô xây dựng:

- Phần kênh: Cứng hóa, hoàn thiện mặt cắt tuyến kênh Nam đoạn từ K5+700 ÷ K8+700 và đoạn K11+750,3 ÷ K13+000.

- Đường bờ kênh: Mở rộng đường mặt bờ kênh kết hợp làm đường giao thông dọc kênh đoạn từ K5+700 ÷ K13+000 và các hạng mục phụ trợ khác (vía hè, điện chiếu sáng, biển báo...) phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân trong vùng.

- Công trình trên kênh và hạng mục phụ trợ: Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các công trình trên kênh (cầu và cống); sửa chữa trạm bơm; điện chiếu sáng.

9.2. Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

9.2.1. Phần kênh:

TT	Lý trình kênh thiết kế	Chiều dài (m)	$Q_{tk}$ ( $m^3/s$ )	$i$	$m$	$n$	$b_{TK}$ (m)	$h_{TK}$ (m)	MNTK ĐĐ	MNTK CĐ
1	K5+700 ÷ K7+155	1.455	9,93	$5 \times 10^{-5}$	1,5	0,017	4,0	2,48	+6.49	+5.91
2	K7+155 ÷ K7+620	465	9,93	$5 \times 10^{-5}$	0	0,017	7,40	2,48	+5.91	+5.89
3	K7+620 ÷ K7+870	250	9,93	$5 \times 10^{-5}$	0	0,017	2x4,4	2,48	+5.89	+5.88
4	K7+870 ÷ K8+700	830	9,93	$5 \times 10^{-5}$	0	0,017	7,40	2,48	+5.88	+5.84
5	K11+750,3 ÷ K13+000	1.294,7	8,93	$5 \times 10^{-5}$	0	0,017	7,0	2,48	+5.64	+5.57

9.2.2. Công trình trên kênh:

a) Cầu trên kênh

TT	Tên cầu	Lý trình	Kích thước BxL (m)	Cao trình mặt cầu	Ghi chú
1	Cầu số 1	K5+995	4,5x20,0	+7.33	Giữ nguyên, sửa chữa lan can
2	Cầu số 2	K8+115	10,5x8,25	+7.10	Xây mới cầu BTCT
3	Cầu số 3	K11+635	14,5x8,25	+6.87	Phá cầu cũ xây mới cầu BTCT
4	Cầu số 4	K11+889	10,5x8,25	+6.86	Xây mới cầu BTCT
5	Cầu số 5	K12+225	10,5x8,25	+6.84	Phá cầu cũ xây mới cầu BTCT

b) Cống điều tiết dọc kênh:

TT	Tên công	Lý trình	Lưu lượng Q (m <sup>3</sup> /s)	Chiều dài công (m)	Khẩu độ nx(BxH) (m)	Cao độ đáy công
1	Điều tiết Đất Đỏ	K6+644	9,93	6,00	2x(3,5x3,10)	+3.81
2	Điều tiết Liên Bão	K11+770	9,93	7,20	2x(3,5x3,40)	+3.16

### 9.3. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

9.3.1. Phần kênh: Cứng hóa, hoàn thiện mặt cắt tuyến kênh Nam đoạn từ K5+700 ÷ K8+700 và đoạn K11+750,3 ÷ K13+000 với tổng chiều dài 4.220 m, cụ thể như sau:

- Đoạn từ K5+700 ÷ K7+155: Cứng hoá kênh với mặt cắt hình thang, kết cấu: Đáy kênh bằng bê tông M250, dày 15cm và mái kênh bằng bê tông cốt thép M250, dày 12cm, hệ số mái m=1,5. Bố trí khe lún 4m/khe bằng 02 lớp giấy dầu. Trên mái kênh bố trí các bậc lên xuống hai bờ tả, hữu kênh so le nhau, khoảng cách giữa các bậc khoảng 300m, kết cấu: bản trượt BTCT M250, mặt bậc xây gạch bê tông xi măng M100, VXM M75, trát bậc VXM M75.

- Các đoạn K7+155 ÷ K7+620, K7+870 ÷ K8+700, K11+750,3 ÷ K13+000: Kênh mặt cắt hình chữ U, kích thước BxH=((7,0÷7,4)x3,7))m, kết cấu bê tông cốt thép M250: Bản đáy rộng (8,5÷8,9)m, dày (20÷45)cm; tường kênh cao 3,7m, dày (35÷60)cm. Đỉnh tường kênh một số đoạn bố trí lan can bằng thép SS400, sơn mạ kẽm nhúng nóng; bố trí khe lún 11,8m/khe bằng 02 lớp giấy dầu. Trên mái kênh bố trí bậc lên xuống cách nhau 200m so le, kết cấu: bờ hữu bản trượt BTCT M250 dày 15cm, dầm biên BTCT M250 tiết diện (25x50)cm, lan can bằng SUS 304; bờ tả dạng thang khí, kết cấu bậc và dầm thang bằng SUS 304.

- Đoạn từ K7+620 ÷ K7+870: Kênh dạng mặt cắt chữ nhật, kích thước nxBxH= 2x(4,4x2,8)m, kết cấu bê tông cốt thép M250: Bản đáy rộng 10,5m, dày 50cm; tường bên và tường giữa dày (40÷50)cm; trần dày 40cm; bố trí khe lún 11,8m/khe bằng 02 lớp giấy dầu và khớp nối PVC. Nền kênh được gia cố bằng cọc BTCT kích thước (0,25x0,25)m.

9.3.2. Đường bờ kênh: Mở rộng đường hai bên bờ kênh kết hợp làm đường giao thông dọc kênh đoạn từ K5+700 ÷ K13+000 và các hạng mục phụ trợ khác (via hè, điện chiếu sáng, biển báo...).

#### a) Đoạn từ K5+700 ÷ K7+155:

Đường bờ hữu: Rải cấp phối đá dăm loại 2 dày 20cm, rộng từ (3,26÷3,5)m, lề bên phải rộng 50cm, đắp đất đầm chặt  $K \geq 0.9$ .

#### b) Đoạn từ K7+620 ÷ K7+870:

Làm đường trên mặt kênh ngàm hóa, bề rộng 9,0m, kết cấu gồm: Lớp bê tông nhựa hạt mịn dày 5cm, lớp bê tông nhựa hạt thô dày 7cm; tưới nhựa dính bám 0,5kg/m<sup>2</sup> trước khi rải lớp bê tông nhựa hạt mịn; tưới nhựa dính bám 0,5kg/m<sup>2</sup>

trước khi rải lớp bê tông nhựa hạt thô; độ dốc ngang mặt đường  $i=2\%$ . Bố trí vỉa hè và trồng cây xanh, hệ thống rãnh và hố ga thu nước mặt đường.

*c) Đoạn từ K7+870 ÷ K8+220:*

- Đường bờ tả: Cứng hóa mặt đường bằng bê tông M250, chiều rộng mặt đường 7,0m, trong đó phần cứng hóa 6,0m, lề hai bên  $2 \times 0,5$ m trên lớp ni lông tái sinh, cấp phối đá dăm loại 2, dày 15cm và đất đắp đầm chặt  $K \geq 0,95$  dày 30cm.

- Đường bờ hữu: Mặt đường cứng hóa rộng 7,0m, kết cấu: Phía trên lớp bê tông nhựa hạt mịn dày 5cm; phía dưới là lớp bê tông nhựa hạt thô dày 7cm, lớp cấp phối đá dăm loại 1, loại 2 dày 20cm tưới nhựa dính bảm  $0,5\text{kg}/\text{m}^2$  giữa các lớp nhựa hạt mịn, hạt thô và lớp móng; độ dốc ngang mặt đường  $i=2\%$ . Bố trí vỉa hè và trồng cây xanh, hệ thống rãnh và hố ga thu nước mặt đường.

*d) Đoạn từ K8+220 ÷ K8+350:*

Đường bờ hữu: Mặt đường cứng hóa rộng 7,0m, kết cấu: Phía trên lớp bê tông nhựa hạt mịn dày 5cm; phía dưới là lớp bê tông nhựa hạt thô dày 7cm, lớp cấp phối đá dăm loại 1, loại 2 dày 20cm; tưới nhựa dính bảm  $0,5\text{kg}/\text{m}^2$  giữa các lớp nhựa hạt mịn, hạt thô và lớp móng độ dốc ngang mặt đường  $i=2\%$ . Bố trí vỉa hè và trồng cây xanh, hệ thống rãnh và hố ga thu nước mặt đường.

*e) Đoạn từ K8+450 ÷ K8+700:*

Đường bờ hữu: Cứng hoá mặt đường bằng bê tông M250 với chiều rộng mặt cứng hoá 4,0m, dày 25cm trên các lớp: lớp ni lông tái sinh; lớp cấp phối đá dăm loại 2, dày 15cm; lớp đất đắp đầm chặt  $K \geq 0,95$ , dày 30cm và lớp đất đắp hoàn trả đầm chặt  $K \geq 0,9$ ; lề hai bên rộng 0,5m.

*f) Đoạn từ K8+700 ÷ K11+750,3:*

- Đường bờ tả (đoạn từ K8+952 ÷ K9+165) rải lớp bê tông nhựa hạt thô dày 7cm, dưới tưới nhựa dính bảm  $0,5\text{kg}/\text{m}^2$  trước khi rải.

- Đường bờ hữu: Đào nền đường cũ, lu lèn chặt lại. Mở rộng đường nhựa từ  $(2,0 \div 5,6)$ m, đảm bảo chiều rộng mặt đường sau khi hoàn thiện  $\geq 10,5$ m. Kết cấu gồm: Lớp bê tông nhựa hạt mịn dày 5cm; lớp bê tông nhựa hạt thô dày 7cm; lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 20cm; lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 20cm; tưới nhựa dính bảm  $0,5\text{kg}/\text{m}^2$  giữa các lớp nhựa hạt mịn, hạt thô và lớp móng; độ dốc ngang mặt đường  $i=2\%$ . Bố trí hè đường phía giáp tường kênh (đoạn qua dân cư bố trí 2 bên), trên hè bố trí cây xanh, hệ thống thoát nước.

*g) Đoạn từ K11+750,3 ÷ K13+000:*

- Đường bờ tả: Mặt đường rộng  $(5,0 \div 7,0)$ m, trong phần mặt cứng hóa bê tông M250 dày 25cm rộng từ  $(4,0 \div 6,0)$ m, phía dưới là lớp ni lông tái sinh; lớp cấp phối đá dăm loại 2, dày 15cm; lớp đất đắp đầm chặt  $K \geq 0,95$ , dày 30cm và lớp đất đắp hoàn trả đầm chặt  $K \geq 0,9$ ; lề hai bên rộng  $(2 \times 0,5)$ m.

- Đường bờ hữu: Mở rộng đường nhựa từ  $(1,6 \div 4,0)$ m, đảm bảo chiều rộng

mặt đường sau khi hoàn thiện  $\geq 10,5\text{m}$ . Kết cấu gồm: Lớp bê tông nhựa hạt mịn dày 5cm; lớp bê tông nhựa hạt thô dày 7cm; lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 20cm; lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 20cm; tưới nhựa dính bám  $0,5\text{kg}/\text{m}^2$  giữa các lớp nhựa hạt mịn, hạt thô và lớp móng; độ dốc ngang mặt đường  $i=2\%$ . Bố trí hệ đường, trên hệ bố trí cây xanh, hệ thống thoát nước.

### 9.3.3. Công trình trên kênh.

#### a) Cầu qua kênh:

- Phá dỡ lan can 01 cầu cũ đã hư hỏng bằng hệ thống lan can thép SS400 mạ kẽm nhúng nóng.

- Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới 04 cầu qua kênh phục vụ giao thông. Phá dỡ cầu cũ, xây dựng cầu mới với nhịp cầu chính dài 8,3m, rộng (11,0÷15,0)m, mặt cầu rộng (10,5÷14,5)m. Mố, trụ, dầm và bản mặt cầu kết cấu BTCT M250. Gia cố nền mố, trụ cầu bằng cọc BTCT M250, kích thước (25x25)cm; làm gờ chắn bánh hai bên cầu rộng 0,25m, cao 0,25m và bố trí hệ thống lan can bằng thép SS400 mạ kẽm nhúng nóng.

#### b) Cống điều tiết dọc kênh:

Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới 02 cống điều tiết (tại lý trình K6+644, K11+770): Cống xây mới bằng BTCT M250 với bản đáy, tường, trần dày (30÷50)cm được đặt trên lớp bê tông lót M100, dày 10cm và nền được gia cố bằng cọc BTCT M250, kích thước (25x25)cm. Phía trên cống có bố trí nhà van BTCT M250 có mái che bảo vệ hệ thống máy đóng mở, tủ điều khiển; Lắp đặt cửa van điều tiết, khe van bằng thép, máy đóng mở VĐ5 chạy điện, bố trí hệ thống điện, tủ điều khiển đồng bộ.

#### c) Cống ngang kênh bờ trái, bờ phải:

Cải tạo, nâng cấp, nối dài, xây dựng mới 12 cống ngang kênh bao gồm: 04 cống hộp hình chữ nhật BTCT đổ tại chỗ M250, đặt trên lớp bê tông lót M100, dày 10cm, nền được gia cố bằng cọc tre dài 2,5m và 08 cống tròn BTCT đúc sẵn đường kính (500÷1000)mm, đặt trên đế cống BTCT đúc sẵn, lớp bê tông lót M100, dày 10cm. Thay mới hệ thống cửa van, dàn van và máy đóng mở thủ công vận hành đồng bộ.

#### d) Các trạm bơm cục bộ:

Cải tạo, sửa chữa 02 trạm bơm tưới cục bộ nằm sát bờ kênh trên tuyến đảm bảo kết nối với hệ thống kênh xây dựng mới với nội dung: Thay thế, lắp đặt hệ thống ống hút - đẩy, lắp van bảo vệ, các hạng mục phụ trợ trạm bơm tưới.

9.3.4. Dịch chuyển các công trình điện, viễn thông, nước và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác để phục vụ thi công.

#### a) Phần trung thế:

- Tuyến cáp ngầm 24kV N. Bất Lự 5:

+ Điểm đầu: Cột điểm đầu (Cột TBA Bất Lự 3 lộ 475 E27.1) thay thế Cầu chì cắt tải bằng cầu dao cách ly 24KV-630A loại chém đứng, tiếp điểm mạ bạc, thay thế CSV bằng loại  $U_r=18KV$ .

+ Điểm cuối: Tủ RMU 24kV TBA Bất Lự 5 XDM lộ 475 E27.1

+ Xây dựng mới tuyến cáp ngầm từ cột TBA Bất Lự 3 đến vị trí TBA Bất Lự 5 sau dịch chuyển. Dùng 01 sợi cáp nhôm ngầm 24KV ba pha có tiết diện  $3 \times 70mm^2$  loại cáp nhôm ngầm 3 pha AL/XLPE/PVC/DATA/PVC-W-12,7/22(24)kV- $3 \times 70mm^2$ . Chiều dài tuyến cáp ngầm xây dựng mới chưa bao gồm cáp dự phòng và đầu nối lên cột là: 222m.

- Trạm biến áp Bất Lự 5 xây dựng mới:

+ Xây dựng mới Kiểu trạm 1 trụ bên trong tích hợp tủ trung thế 24KV loại 3 ngăn CCV-24KV và tủ hạ thế 630A và 4 lộ ra 250A.

+ Công suất MBA: 320KVA-22(35)/0,4KV tận dụng lại máy hiện có chuyển sang lắp đặt lại.

+ Đóng cắt bảo vệ MBA bằng máy cắt kết hợp với rơ le lắp trong tủ trung thế.

*b) Phần hạ thế:*

- Tuyến đường dây 0,4kV sau TBA Bất Lự 5:

+ Xây dựng mới 01 vị trí cột: Cột (1.2.3).1M; bằng cột đúp 2BTLT10m, Xây dựng mới tuyến cáp ngầm hạ thế nhôm  $4 \times 240mm^2$  gồm 4 sợi cáp ngầm từ TBA xây dựng mới sau dịch chuyển đến vị trí cột (1.2.3).1M xây dựng mới sử dụng cáp 0,4kV ngầm loại AL/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-0,4/1kV- $4 \times 240mm^2$ ;

+ Xây dựng mới các vị trí cột: Cột 3.2M; cột 3.2M; cột 3.4M; cột 3.5M; cột 3.6M; cột 3.7M; cột 3.8M và cột 3.9M bằng cột BTLT8,5m, vị trí cột cuối tuyến, góc sử dụng cột đúp; Thay Dây dẫn XLPE4A95 và XLPE4A70.

- Tuyến đường dây 0,4kV sau TBA Hoài Thị 2:

Xây dựng mới các vị trí cột: Cột (1.2).2M; Cột (1.2).3M; Cột (1.2).4M; Cột (1.2).5M; Cột (1.2).6M; Cột (1.2).7M; Cột (1.2).8M; Cột (1.2).9M; Cột (1.2).10M; Cột (1.2).11M; Cột (1.2).12M; Cột (1.2).13M; Cột (1.2).14M; Cột (1.2).15M; Cột (1.2).16M; Cột (1.2).17M; Cột (1.2).18M bằng cột đúp BTLT10 cho vị trí vượt đường và bằng cột BTLT8,5m, vị trí giữa và cuối tuyến sử dụng cột đúp; Thay dây dẫn 3 XLPE4A120:

9.3.5. Các giải pháp thiết kế khác và một số biện pháp thi công chính: Chi tiết theo hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng: **346.607.610.000 đồng** (Ba trăm bốn mươi sáu tỷ, sáu trăm linh bảy triệu, sáu trăm mười nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 2.000.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng: 274.521.622.000 đồng;

- Chi phí thiết bị: 6.790.681.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 3.521.007.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 13.121.764.000 đồng;
- Chi phí khác: 2.797.860.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 43.854.676.000 đồng.

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026-2029 .

12. Nguồn vốn đầu tư: Vốn đầu tư công ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025, giai đoạn 2026-2030 và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

14. Các nội dung khác:

- Phương án giải phóng mặt bằng: Chủ đầu tư cần phối hợp với chính quyền địa phương để xây dựng và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật.

- Các nội dung khác theo Báo cáo kết quả thẩm định số 320/BC-SNNMT ngày 14/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện: Ban Quản lý dự án Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 2 có trách nhiệm quản lý, thực hiện xây dựng công trình quản lý thực hiện dự án theo đúng quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Kho bạc Nhà nước Khu vực VI; Giám đốc Ban Quản lý dự án Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 2; UBND xã Liên Bảo, xã Đại Đồng, phường Từ Sơn và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- VP UBND tỉnh: LĐVP<sup>Ô.Luýén</sup>;
- Lưu: VT, KTN<sub>Nam</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Xuân Lợi**